

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2020/HS-ST
Ngày: 15-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 207/2020/HSST ngày 03/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với Bị cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1988, Giới tính: Nam, Quê quán tại: Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, Thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Thợ điện nước; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Huỳnh M, sinh năm: Không rõ và bà: Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ tên Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1996 (đã ly hôn), có một con, sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến nay. Hiện Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

Người bị hại: Bà Từ Ngọc G, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ Ngọc G (sinh năm: 1987) và Đặng Văn T có quan hệ tình dục. Ngày 01/7/2020, T nhắn tin vào điện thoại của chồng G là ông Trần Thanh Quan về việc G có quan hệ tình dục với T. Ngày 02/7/2020, bà G có nhắn tin qua mạng Zalo nick “Ngocgiau” nhắn tin cho T nick “Thanh” thì T đòi 20.000.000 đồng. G yêu cầu T phải đem điện thoại và 02 thẻ nhớ theo để G tự tay xóa đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục giữa G và T, đồng thời tự tay bẻ gãy 02 thẻ nhớ để T không uy hiếp tinh thần bà G nữa thì T đồng ý và hẹn địa điểm nhận tiền tại cầu P thuộc xã B, huyện C. Trước khi đi, G có nhờ Nguyễn Thanh H, Trần Thanh B và Lê Chí T (nhóm Hiệp sĩ Bình Dương) nhờ giúp đỡ do bị T uy hiếp tinh thần và cưỡng đoạt số tiền 20.000.000 đồng.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/7/2020, T giả dạng grab chở G đến gần cầu P, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng T không đồng ý gặp và kêu G chạy qua cầu P ở B, Củ Chi. Đến 09 giờ 30 phút, cùng ngày, G đến điểm hẹn và lên xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640 của T chở đi, trên đường đi do T đang điều khiển xe máy nên G bỏ số tiền 20.000.000 đồng vào túi quần Jeans phía sau bên phải, T đồng ý. G yêu cầu T ghé vào quán cà phê nhưng T không đồng ý. T chạy vào đường Hà Duy P, tổ 6, ấp 1, xã B, huyện C thì bị B, H và T chạy đến bắt giữ cùng tang vật giao cho Công an xã B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, T thừa nhận vào ngày 22/5/2020, T dùng điện thoại di động hiệu Samsung A7 quay lại cảnh giữa T và G đang quan hệ tình dục trong Khách sạn ở phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương và chụp lại ảnh của G khi không mặc áo, lưu vào điện thoại di động để đe dọa, uy hiếp tinh thần bắt G đưa tiền như trên.

Trước đó, vào ngày 30/6/2020, T đã dùng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp về mặt tinh thần như trên và buộc G chuyển số tiền 15.000.000 đồng cho T, T nhận được mã số và đến cửa hàng FPT Thành phố T, tỉnh Trà Vinh lấy tiền để tiêu xài và trả nợ hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640;
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh đen A7 (2018) qua sử dụng;
- 02 thẻ nhớ có dung lượng 02 Gb;

- 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu xanh đen, không có sim, không có thẻ nhớ.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại kho vật chứng thuộc Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Nhà tạm giữ Công an huyện C).

Về dân sự: Bị hại Từ Ngọc G đã nhận lại số tiền 20.000.000 đồng, làm đơn bãi nại cho T và không yêu cầu gì thêm. Tại phiên Tòa Bị hại yêu cầu bị cáo T trả lại cho bà G số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt ngày 30/6/2020.

Tại phiên Tòa, Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng số: 203/Ctr-VKS-HS ngày 03/11/2020 đã truy tố Bị cáo là đúng. Tại phiên Tòa bà G yêu cầu Bị cáo phải hoàn trả cho bà G số tiền 15.000.000 đồng, Bị cáo đồng ý nhưng cho Bị cáo thời hạn sau khi chấp hành án xong. Khi Bị cáo bị bắt cơ quan điều tra thu giữ của Bị cáo gồm: 01 xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh đen A7 (2018) qua sử dụng; 02 thẻ nhớ có dung lượng 02 Gb; 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu xanh đen, không có sim, không có thẻ nhớ tất cả tài sản này đều của Bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Bị cáo không có ý kiến.

Tại phiên Tòa, Bị hại khai: Bà và bị cáo T quen biết nhau từ tháng 7/2019 cho đến tháng 5/2020, thì hai bên không qua lại nữa. Do Bà và bị cáo T không qua lại nên bị cáo T nhắn tin cho chồng Bà nói Bà có quan hệ tình dục với T để uy hiếp tinh thần Bà và yêu cầu Bà chuyển tiền và Bà hẹn ngày 30/6/2020 chuyển 15.000.000 đồng. Đến ngày 02/7/2020, bị cáo T tiếp tục đe dọa Bà nếu không đưa cho bị cáo T thêm 20.000.000 đồng thì T sẽ gửi đoạn video cho chồng Bà nên Bà hẹn bị cáo T ngày 04/7/2020 gặp giao tiền nhưng bị cáo T phải giao cho Bà đem điện thoại và 02 thẻ nhớ theo để G tự tay xóa đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục giữa G và T, đồng thời tự tay bẻ gãy 02 thẻ nhớ để T không uy hiếp tinh thần bà G nữa thì T đồng ý và hẹn địa điểm nhận tiền tại cầu P thuộc xã B, huyện C. Trước khi đi, G có nhờ Nguyễn Thanh H, Trần Thanh B và Lê Chí Tr (nhóm Hiệp sĩ Bình Dương) nhờ giúp đỡ do bị T uy hiếp tinh thần và cưỡng đoạt số tiền 20.000.000 đồng. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/7/2020, Tr giả dạng grab chở G đến gần cầu P, thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng T không đồng ý gặp và kêu G chạy qua cầu P ở B, Củ Chi. Đến 09 giờ 30 phút, cùng ngày, G đến điểm hẹn và lên xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640 của T chờ đi, trên đường đi do T đang điều khiển xe máy nên G bỏ số tiền 20.000.000 đồng vào túi quần Jeans phía sau bên phải, T đồng ý. G yêu cầu T ghé vào quán cà phê nhưng T không đồng ý. T chạy vào đường Hà Duy P, tổ 6, ấp 1, xã B, huyện C thì bị B, H và Tr chạy đến bắt giữ cùng tang vật giao cho

Công an xã B. Đối với số tiền 20.000.000đồng bà G đã nhận lại, nay bà G yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho bà số tiền 15.000.000đồng mà bà đã chuyển cho bị cáo T ngày 30/6/2020, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản cáo trạng số: 203/CTr-VKS-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng Điều 47 BLTTHS đề nghị:

+ 01 xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640: Qua xác minh, xe do Trịnh Kim H đăng ký chủ sở hữu nhưng đến năm 2012 đã bán đi. Xe do Bị cáo T mua lại và dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh đen A7 (2018) qua sử dụng: Quay clip Bị cáo và bà G quan hệ tình dục, đề nghị xóa bỏ các dữ liệu liên quan đến vụ án và tịch thu nộp ngân sách.

+ 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu xanh đen, không có sim, không có thẻ nhớ: nhắn tin cho chồng G và rủ G quan hệ tình dục, là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu nộp ngân sách.

+ 02 thẻ nhớ có dung lượng 02 Gb: lưu clip bị cáo và bà G quan hệ tình dục đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự: Bà G yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 15.000.000đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt của bà G ngày 30/6/2020 là có cơ sở đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà G.

* Bị cáo T Tự bào chữa: Không.

* Bị hại trình bày ý kiến: Không.

* Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo đã biết lỗi xin Hội đồng xét xử cho Bị cáo mức án nhẹ để sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội tại phiên tòa của Bị cáo là phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Đặng Văn T và Từ Ngọc G có quan hệ tình dục với nhau, trong lúc quan hệ bị cáo T đã dùng điện thoại di động của mình quay lại cảnh hai người quan hệ tình dục và chụp ảnh bà G khi không mặc quần áo. Khi bà G không đồng ý tiếp tục chuyện tình cảm với T thì T đã dùng video và hình ảnh này để đe dọa, uy hiếp tinh thần bà G, buộc bà G phải đưa tiền cho bị cáo T hai lần với tổng số tiền 35.000.000đ. Trong đó, lần 01 vào ngày 30/6/2020, với số tiền 15.000.000đ; Lần 02 vào ngày 01/7/2020, với số tiền 20.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[2.2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng Bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện cưỡng đoạt tài sản của người bị hại hai lần nên phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình.

[5] Về vật chứng:

(Các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 209/PNK (ĐTTH) ngày 30/10/2020).

+ 01 xe gắn máy Wave S biển số 70M1-2640: Qua xác minh, xe do Trịnh Kim H đăng ký chủ sở hữu nhưng đến năm 2012 đã bán đi. Xe do Bị cáo T mua lại và dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh đen A7 (2018) qua sử dụng. Đây là tài sản bị cáo T dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách và Đoạn Video quay Bị cáo và bà G quan hệ tình dục nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xóa bỏ các dữ liệu liên quan đến vụ án trong 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu xanh đen A7 (2018)

+ 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu xanh đen, không có sim, không có thẻ nhớ: nhắn tin cho chồng G và rủ G quan hệ tình dục, là phương tiện phạm tội đề nghị tịch thu nộp ngân sách.

+ 02 thẻ nhớ có dung lượng 02 Gb: lưu clip Bị cáo và bà G quan hệ tình dục đề nghị tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Từ Ngọc G đã nhận lại số tiền 20.000.000đồng. Đối với số tiền 15.000.000đồng bà G yêu cầu Bị cáo trả lại ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét đây là tài sản của bà G, bị bị cáo T cưỡng đoạt tài sản bất hợp pháp nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo T phải hoàn trả lại cho bà Từ Ngọc G số tiền 15.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc xe Wave S, màu xanh, biển số: 70M1 – 2640, số máy: HD1P531111237, số khung: FS11237 (đã qua sử dụng).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh đen, số IMEI1: 351580104043209/01, số IMEI2: 351581104043207/01, số seri: R58KA4XC89M, hiệu Galaxy A7 (2018), đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Wiko màu xanh đen, không có sim, không có thẻ nhớ, model W-K200, số IMEI1.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) thẻ nhớ có dung lượng 02GB.

- Buộc bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm hoàn lại cho bà Từ Ngọc G số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Từ Ngọc G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T chưa trả tiền như nêu trên, thì hàng tháng bị cáo T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ CA huyện C
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc